BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC QUA BÀI LUẬN KẾT HỢP PHỎNG VẤN TRỰC TIẾP

(Kèm theo Thông báo số 4256/TB-ĐHM ngày 23/08/2021)

1. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHUNG (40 điểm)

1.1. Hiểu biết chung về ngành nghề lựa chọn

- Sự phát triển của ngành, các đóng góp của ngành cho xã hội, các cơ hội việc làm (vị trí việc làm), các yêu cầu chung đối với nhân sự làm trong ngành.
- Phân tích đặc điểm, mô tả hoạt động đào tạo của ngành học được đào tạo tại Đại học Mở Hà Nội.
- Xác định được những điểm ưu việt và hạn chế mà người làm ngành có thể đối diện.
- Đánh giá điểm mạnh điểm yếu của cá nhân khi tham gia vào các môn học theo chương trình đào tạo ngành mà thí sinh lựa chọn.

1.2. Hiểu biết chung về học đại học và trường đăng ký học

- Hiểu biết về Đại học Mở Hà Nội và việc đào tạo ngành học mà thí sinh lựa chọn.
- Hiểu biết về tổ chức đào tạo đại học, quản lý học tập đại học, yêu cầu của người học khi học đại học.

1.3. Về bản thân và quan điểm cá nhân

- Thể hiện quan điểm cá nhân về giá trị của ngành nghề đối với xã hội, gia đình và bản thân.
- Vai trò của việc học Đại học; Sự đam mê, yêu thích đối với ngành học và quyết tâm theo đuổi ngành học.
- Thể hiện mong muốn về những trải nghiệm sẽ thu được trong thời gian học Đại học; Kế hoạch những đóng góp cho Khoa và Trường nếu trở thành sinh viên của trường.
- Sự thích hợp của bản thân về tính cách, sở thích, năng lực học tập, năng lực sức khoẻ với yêu cầu chung của ngành.
- Cơ hội việc làm và vị trí công việc mong muốn sau khi tốt nghiệp.

2. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SỰ HIỂU BIẾT VỀ KIẾN THỨC NGÀNH (60 điểm)

2.1. Ngành Thiết kế công nghiệp

Hiểu biết về các lĩnh vực:

+ Vai trò của môn năng khiếu vẽ (Hình hoạ, Bố cục màu) với ngành học Mỹ thuật ứng dụng.
+ Khái niệm về hình hoạ.
+ Khái niệm về màu sắc, cách điệu hoạ tiết.
+ Trình tự thể hiện bài vẽ hình hoạ.
+ Các hình thức bố cục bài vẽ Bố cục màu (trang trí).

2.2. Ngành Tài chính – Ngân hàng

+ Hiểu biết về lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
+ Có khả năng phân tích lý do lựa chọn ngành Tài chính - Ngân hàng.
+ Quan điểm, lập luận khả năng, tố chất của bản thân để có thể theo học ngành Tài chính - Ngân hàng.

2.3. Các ngành Kế toán, Quản trị kinh doanh, Thương mại điện tử

+ Hiểu biết về lĩnh vực Kế toán/QTKD/TMĐT.

+ Có khả năng phân tích đặc điểm của ngành Kế toán/ QTKD/TMĐT dưới tác động của dịch bệnh và khả năng phục hồi.

+ Đặc điểm tính cách, kỹ năng kiến thức cần có của lao động trong ngành Kế toán/ QTKD/TMĐT.

+ Mô tả yêu cầu nghề nghiệp, điều kiện đáp ứng, cơ hội phát triển của vị trí công việc thuộc lĩnh vực Kế toán/ QTKD/TMĐT.

2.4. Các ngành Luật, Luật Kinh tế, Luật Quốc tế

+ Hiểu biết về khái niệm, bản chất của nhà nước; pháp luật.

+ Có khả năng phân tích các hình thức thực hiện pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp luật.

+ Trách nhiệm của bản thân đối với chính sách giải quyết việc làm; chính sách giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ.

2.5. Ngành Công nghệ sinh học

+ Hiểu biết của bản thân về những sản phẩm do ngành công nghệ sinh học làm ra.

+ Có khả năng phân tích giá giá trị ứng dụng, giá trị kinh tế mang lại từ các dòng sản phẩm ngành CNSH-Thực phẩm, CNSH-Y dược, CNSH-Môi trường, CNSH-Nông nghiệp và CNSH – Mỹ phẩm.

2.6. Ngành Công nghệ thực phẩm

+ Hiểu biết về những vấn đề do ngành Công nghệ thực phẩm giải quyết.

+ Có khả năng phân loại các dòng sản phẩm thuộc lĩnh vực Công nghệ thực phẩm.

+ Có khả năng phân tích giá trị kinh tế, giá trị văn hoá xã hội của các dòng sản phẩm.

2.7. Ngành Công nghệ thông tin

+ Nhận thức về xu hướng phát triển những lĩnh vực ngành nghề ứng dụng công nghệ thông tin.

+ Hiểu biết về những kênh thông tin, mạng xã hội hoặc những ấn phẩm công nghệ thường xuyên theo dõi và cập nhật thông tin.

+ Có khả năng chia sẻ, trình bày và tiếp nhận các nội dung công nghệ.

2.8. Các ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông, Công nghệ Kỹ thuật điều khiển & Tự động hoá

+ Hiểu biết về những vấn đề do ngành Kỹ thuật điện tử viễn thông; Kỹ thuật điều khiển & tự động hoá giải quyết.

+ Có khả năng tổng hợp và phân tích một số công nghệ nổi bật hiện nay trong ngành mà thí sinh lựa chọn.

2.9. Các ngành Quản trị Dịch vụ du lịch và Lữ hành, Quản trị Khách sạn

+ Có khả năng phân tích đặc điểm của ngành Du lịch dưới tác động của dịch bệnh và khả năng phục hồi.

+ Hiểu biết về đặc điểm tính cách, kỹ năng kiến thức cần có của lao động trong ngành Du lịch.

+ Có kiến thức về lĩnh vực Lưu trú/Khách sạn/Lữ hành.

+ Mô tả yêu cầu nghề nghiệp, điều kiện đáp ứng, cơ hội phát triển của vị trí công việc thuộc lĩnh vực Lưu trú/Khách sạn hoặc Lữ hành.

Yêu cầu: Phần hỏi đáp có ít nhất 02 câu được thể hiện bằng tiếng Anh.

2.10. Ngành Ngôn ngữ Anh

+ Có khả năng phân tích lý do lựa chọn học ngành Ngôn ngữ Anh

+ Hiểu biết về chuyên ngành Biên – Phiên dịch/ Sư phạm.

Yêu cầu ngôn ngữ trình bày (Bài luận và Phỏng vấn) bằng Tiếng Anh.

2.11. Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc

+ Hiểu biết về ứng dụng Ngôn ngữ trong cuộc sống.

+ Có khả năng phân tích tầm quan trọng của việc sử dụng ngôn ngữ trong Biên – Phiên dịch.

+ Hiểu biết chung về kiến thức, kỹ năng, thái độ cần có đối với cử nhân Biên – Phiên dịch Ngôn ngữ.

+ Hiểu biết của bản thân về Ngôn ngữ Trung Quốc.

Yêu cầu ngôn ngữ trình bày (Bài luận và Phỏng vấn) bằng Tiếng Việt.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

PGS.TS Nguyễn Thị Nhung